

# CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI KIẾN TRÚC PHƯƠNG ĐÔNG

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI KIẾN TRÚC PHƯƠNG ĐÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUONG DONG ARCHITECTURE TRADING CONSTRUCTION INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH ĐT XD TM KT PHƯƠNG ĐÔNG

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702925266

**3. Ngày thành lập:** 28/10/2020

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

120/21 Thủ Khoa Huân, Phường Bình Chuẩn, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0934363414

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                            | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                       | 4330     |
| 2.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                         | 2592     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                      | 4659     |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                  | 4662     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn mỹ phẩm, bán buôn đồ dùng khác cho gia đình | 4649     |
| 6.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                       | 4933     |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                       | 4329     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                              | 4663     |
| 9.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                    | 4101     |
| 10. | Xây dựng nhà không để ở                                                                              | 4102     |
| 11. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                        | 4211     |
| 12. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                         | 4212     |
| 13. | Xây dựng công trình điện                                                                             | 4221     |
| 14. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                  | 4222     |
| 15. | Xây dựng công trình thủy                                                                             | 4291     |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4299     |
| 17. | Phá dỡ                                                                                               | 4311     |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                    | 4312     |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321     |

|     |                                                                                                                                                                                               |                                                              |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 20. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                           | 7110                                                         |
| 21. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết: Tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế xây dựng                                                                  | 4322(Chính)                                                  |
| 22. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                | 7730                                                         |
| 23. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác<br>Chi tiết: Thêu gia công trên vải, thêu các sản phẩm may mặc khác                                                                   | 1391                                                         |
| 24. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                      | 4782                                                         |
| 25. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                | 1512                                                         |
| 26. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)<br>Chi tiết: Sản xuất, gia công trang phục                                                                                                     | 1410                                                         |
| 27. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn nút, khóa, dây kéo, Bán buôn nguyên phụ liệu ngành may mặc, giày dép                                                  | 4669                                                         |
| 28. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                          | 4641                                                         |
| 29. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                | 7410                                                         |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh, hỗ trợ xuất nhập khẩu.                                   | 8299                                                         |
| 31. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn xe ô tô, xe cơ giới                                                                                                                 | 4511                                                         |
| 32. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                        | 7710                                                         |
| 33. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                            | 4530                                                         |
| 34. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                                                                             | 6820                                                         |
| 35. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu                                                                                                                                                                     | 9631                                                         |
| 36. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN ĐÔNG     | Khối 7, Phường Thanh Hà, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam                  | 7.000.000.000         | 70,000    | 205342789                                                                                                                                         |         |
| 2   | LÊ THỊ THANH PHƯƠNG | Tổ 3, khu 4, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam      | 3.000.000.000         | 30,000    | 022185001978                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN ĐÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/12/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 205342789

Ngày cấp: 12/02/2011

Nơi cấp: Công an Tỉnh Quảng Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối 7, Phường Thanh Hà, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khối 7, Phường Thanh Hà, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương